

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-ST

Ngày: 16-3-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Vũ

2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 189/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Cao Hoàng S (T), sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị N (Đinh Thị B), sinh năm 1956.

Địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Đỗ Cao Hoàng S trình bày:

Năm 2015, chị có bán thức ăn cho bà Đinh Thị N nuôi gà. Hai bên thỏa thuận miệng, chị có làm sổ ghi chép số lượng thức ăn, giá tiền bán cho bà N, bà N có ký tên vào sổ khi nhận hàng. Hình thức mua bán gói đầu khi ra gà khoảng 4-5 tháng thì bà N sẽ trả tất số tiền thức ăn nợ cho chị. Đến ngày 15/6/2016, hai bên tổng cộng số tiền thức ăn tính từ ngày 21/12/2015 đến ngày 15/6/2016 bà N nợ chị là 64.563.000 đồng, bà N có ký tên xác nhận nợ nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán cho chị bất cứ số tiền nào. Đến ngày 04/9/2016, do bà N chưa thanh toán cho

chị nên chị và bà N có thỏa thuận bà N phải trả lãi trên số tiền còn nợ cho chị với mức lãi suất là 1%/tháng đến khi trả hết nợ. Bà N đã đóng lãi cho chị được tổng cộng là 3.500.000 đồng, cụ thể: ngày 03/12/2016 bà N đóng 500.000 đồng, ngày 13/01/2017 đóng 2.000.000 đồng, ngày 16/5/2017 đóng 1.000.000 đồng. Ngoài số tiền lãi này ra chị không nhận của bà N bất cứ số tiền lãi nào khác. Nay chị yêu cầu bà N phải hoàn trả cho chị số tiền nợ là 64.563.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15/6/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1%/tháng. Chị đồng ý khấu trừ số tiền lãi 3.500.000 đồng bà N đã đóng cho chị vào số tiền lãi chị yêu cầu khởi kiện.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử; bị đơn bà Đinh Thị N trình bày:

Bà thừa nhận vào cuối năm 2015 bà có mua thức ăn của chị Đỗ Cao Hoàng S để chăn nuôi gà, hình thức mua bán thức ăn gói đầu khi ra gà khoảng 4-5 tháng thì bà sẽ trả hết số tiền thức ăn nợ cho chị S. Tuy nhiên, do nuôi gà bị lỗ nên bà có nợ chị S số tiền thức ăn là 64.563.000 đồng, bà có ký tên vào biên bản nhận nợ của chị S và đồng ý chịu lãi đối với số tiền nợ với mức lãi suất là 1%/tháng. Bà đã đóng lãi cho chị S được tổng cộng 4.500.000 đồng, trong đó 3.500.000 đồng bà đóng cho chị S, 1.000.000 đồng tiền lãi bà đóng cho em của chị S tên Đỗ Cao Trường G nhưng bà không có giấy tờ chứng minh số tiền lãi 1.000.000 đồng. Bà đồng ý hoàn trả số tiền 64.563.000 đồng cho chị S nhưng xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và xin không tính lãi vì hoàn cảnh của bà hiện nay rất khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 07/11/2017, chị Đỗ Cao Hoàng S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đinh Thị N có nghĩa vụ hoàn trả cho chị số tiền nợ thức ăn chăn nuôi gà là 64.563.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 15/6/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1%/tháng. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Theo xác nhận nơi cư trú ngày 09/11/2017 của Công an xã T2 xác định bị đơn bà Đinh Thị N có nơi cư trú tại ấp T1, xã T2, huyện M nên căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[2] Nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Đỗ Cao Hoàng S và bị đơn bà Đinh Thị N thống nhất giữa hai bên có xác lập hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi gà và việc xác lập hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm nên hợp

đồng mua bán giữa các bên là hợp pháp. Bà N thừa nhận bà còn nợ chị Đỗ Cao Hoàng S số tiền thức ăn là 64.563.000 đồng và bà đồng ý hoàn trả số tiền này cho chị S. Tuy nhiên, bà xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng chị S không đồng ý theo yêu cầu của bà N nên buộc bà N phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị S số tiền thức ăn còn nợ là 64.563.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn chị Đỗ Cao Hoàng S yêu cầu tính lãi trên số tiền bà N phải hoàn trả tính từ ngày 15/6/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1%/tháng. Xét thấy, bà N cũng thừa nhận vào ngày 15/6/2017 bà có ký tên vào biên bản nhận nợ của chị S và đồng ý chịu lãi đối với số tiền nợ với mức lãi suất là 1%/tháng và mức lãi suất các bên thỏa thuận là phù hợp quy định pháp luật nên buộc bà N phải chịu tiền lãi đối với số tiền phải hoàn trả tính từ ngày 15/6/2017 đến ngày Tòa xét xử (16/3/2018) với mức lãi suất 1%/tháng. Tiền lãi được tính như sau:

$(64.563.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng}) \times 21 \text{ tháng} 01 \text{ ngày} = 13.579.000 \text{ đồng}.$

Chị S cho rằng bà N có đóng cho chị tiền lãi được 3.500.000 đồng và chị đồng ý khấu trừ vào tiền lãi chị yêu cầu. Tuy nhiên, bà N lại xác định bà đã đóng cho chị S được tổng số tiền lãi là 4.500.000 đồng nhưng bà không có chứng cứ chứng minh mặc dù Tòa đã ra thông báo giao nộp chứng cứ yêu cầu bà cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Vì vậy, có cơ sở xác định bà N đã đóng cho chị S số tiền lãi là 3.500.000 đồng nên buộc bà N phải tiếp tục đóng cho chị S số tiền lãi là 10.079.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Đinh Thị N phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả là: $(64.563.000 \text{ đồng} + 10.079.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 3.732.000 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Cao Hoàng S (T).

Buộc bà Đinh Thị N (Đinh Thị B) phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Đỗ Cao Hoàng S (T) tổng số tiền 74.642.000 đồng, trong đó: tiền vốn là 64.563.000 đồng và tiền lãi là 10.079.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc bà Đinh Thị N phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.732.000 đồng.

Hoàn trả cho chị Đỗ Cao Hoàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.615.000 đồng theo biên lai thu tiền số ***** ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Kim Sang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

